Công ty Điện lực Sơn La: Công bố thông tin về các chỉ tiêu: Tổn thất điện năng; Độ tin cậy cung cấp điện; Chất lượng dịch vụ khách hàng tháng 10 năm 2026

I. Tổn thất điện năng

Thực hiện tháng 10 đạt 2,74% thấp hơn 0,98% so với cùng kỳ. Lũy kế đạt 4,17% thấp hơn 0,09% với cùng kỳ và thấp hơn 0,11% so với kế hoạch năm (4,28%).

II. Độ tin cậy cung cấp điện

Chỉ số	Maifi (lần)	Saidi (phút)	Saifi (lần)
Thực hiện tháng 10 năm 2026	0,14	20,68	0,32
So sánh 2026/2025 (%)	30,7%	62,3%	90,7%
Thực hiện lũy kế năm 2026	1,64	139,34	1,38
Kế hoạch NPC giao năm 2026	2,25	192,59	4,10
% TH/KH năm 2026	72,97%	72,35%	33,68%
So sánh 2026/2025 (%)	-8,9%	27,7%	12,3%

III. Các chỉ tiêu dịch vụ khách hàng

1. Chất lượng DVKH

TT	Chất lượng DVKH		ĐVT	Tháng 10	Luỹ kế năm 2026
1	Thời gian TB xem xét và ký thỏa thuận đấu nối kể từ khi nhận được hô sơ đề nghị đấu nối hoàn chỉnh, hợp lệ theo quy định tại Điều 45 Thông tư này		Ngày	2,4	2,4
2	Thời gian TB thông báo ngừng, giảm nước cung cấp điện tại Quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện do Bộ Công thương ban hành	Không khẩn cấp	Ngày	7,43	6,99
		Khẩn cấp	Giờ	7,15	5,34
3	Chất lượng trả lời kiến nghị, khiếu nại của khách hàng bằng văn bản. Có trên 95% văn bản trả lời khiếu nại bằng văn bản có nội dung trả lời rõ ràng và tuân thủ quy định của pháp luật trong thời hạn 5 ngày làm việc	Thời gian TB giải quyết kiến nghị KH	Ngày	0	0
		Thời gian TB giải quyết kiến nghị về công tơ đo đếm	Ngày	0	0

4	Số lượng đơn thư phản ánh			0	0
5	Chất lượng tiếp nhận khiếu nại của khách hàng qua điện thoại: Có trên 80% các cuộc điện thoại của khách hàng được tiếp nhận trong thời gian 30 ngày		%	0	0

2. Thời gian giải quyết các yêu cầu về dịch vụ điện

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tháng 092026		Lũy kế năm 2026	
			Số lượng	Thời gian TB	Số lượng	Thời gian TB
I	**Dịch vụ cấp điện mới hạ áp**					
1	Cấp điện sinh hoạt không phải lắp dựng thêm cột/cáp ngầm	Ngày	830	298	9204	2,96
2	Cấp điện sinh hoạt phải lắp dựng thêm cột/cáp ngầm	Ngày	0	0	0	**0**
3	Cấp điện ngoài sinh hoạt không lắp dựng thêm cột/cáp ngầm	Ngày	372	3,11	2.874	3,25
4	Cấp điện ngoài sinh hoạt phải lắp dựng thêm cột/cáp ngầm	Ngày	0	0	0	0
II	**Dịch vụ cấp điện mới trung áp**					
1	Khách hàng đầu tư công trình	Ngày	5	2,6	78	3,6
2	Ngành điện đầu tư công trình	Ngày	0	0	0	**0**
III	**Các dịch vụ miễn phí trong quá trình thực hiện HĐMBĐ**					
1	Thay đổi chủ thể	Ngày	357	1,47	2.909	1,41
2	Thay đổi thông tin	Ngày	0	0	2	1,5
3	Thay đổi mục đích sử dụng điện	Ngày	6	1,77	146	1,36
4	Thay đổi định mức sử dụng điện	Ngày	1	1,0	5	1,20
5	Gia hạn hợp đồng mua bán điện	Ngày	0	0,0	5	1,25
6	Chấm dứt hợp đồng mua bán điện	Ngày	1	2,0	6	1,83
IV	**Các dịch vụ có chi phí trong quá trình thực hiện HĐMBĐ**					
1	Thay đổi vị trí đo đếm	Ngày	0	0	0	0
2	Thay đổi công suất sử dụng	Ngày	0	0	8	1.25
3	Cấp điện trở lại theo yêu cầu của khách hàng	Ngày	0	0	0	0
4	Kiểm tra/Kiểm định thiết bị đo đếm	Ngày	0	0	0	0